

Bản án số: **20/ 2017/ HNGĐ-ST.**

Ngày: 16/ 11/ 2017.

*“V/v: Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết
về con chung, phân chia tài sản chung và nợ
chung, giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vi Thị Ty.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

-Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện VKSND huyện Kbang tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Bảy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/ 11/ 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/ 2017/ TLST-HNGĐ ngày 18/ 5/ 2017 về tranh chấp: *“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung, phân chia tài sản chung và nợ chung, giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/ 2017/ QĐST-HNGĐ ngày 18/ 10/ 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Hồng H, sinh năm 1988;

- *Bị đơn:* Anh Hồ Ngọc Xa, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hà Việt V, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960;

Địa chỉ: TDP 12, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng);

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh B-Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT A huyện K Đông Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 14/ 08/ 2017).

Chị H, anh X , và bà M có mặt; ông V, ông B và ông H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh X tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (*ĐKKH*) tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/ 12/ 2011.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được chị H và anh X trình bày là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống. Theo chị Hạnh thì anh X hay xúc phạm chị cũng như cha mẹ chị; trong công việc, anh không thông cảm cho đặc thù công việc của chị. Về phía anh X thì cho rằng chị H dành thời gian quá nhiều cho công việc Nhà nước, bỏ bê gia đình không quan tâm đến chồng con. Vì vậy, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân căng thẳng và không hạnh phúc, mạnh ai người đẩy sống, hiện anh chị đã sống ly thân với nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị H đề nghị Tòa giải quyết ly hôn và anh X cũng đồng ý với yêu cầu của chị H.

2. Về con chung: Chị H và anh X có 01 con chung tên Hồ Ngọc Như T, sinh ngày 10/ 10/ 2012. Sau khi ly hôn, chị H và anh X đều có nguyện vọng được nuôi cháu T cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị H yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi cháu T với mức 2.000.000 đồng /tháng cho đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động còn anh X không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung (*tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*).

3. Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung cho chị và anh X. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định chủng loại và giá trị của tài sản chung như sau:

- 156m² đất, gồm: 154,86m² đất ở nông thôn và 1,14m² đất trồng cây lâu năm tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Đất đã được UBND huyện Kb cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ*) số: BM 600730 ngày 01/ 02/ 2013 đứng tên chị H và anh X. Trên đất có 01 ngôi nhà chính với khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái ngói, trần tôn, nền lát gạch hoa diện tích 80,75m² cùng một số công trình xây dựng, vật kiến trúc và cây trồng trên đất. Tổng trị giá của đất và công trình xây dựng trên đất là 512.153.200 đồng (*đất là 195.174.900 đồng, công trình xây dựng và cây trồng trên đất là 316.978.300 đồng*). Tại phiên tòa, chị H chấp nhận giá trị của đất và công trình xây dựng trên đất mà Hội đồng định giá đưa ra còn anh X cho rằng giá trị này là quá cao; cả chị H và anh X đều muốn hưởng phần tài sản này.

- 01 xe máy hiệu YAMAHA JUPITER, BKS 81H1- 13258, đăng ký xe cấp ngày 08/ 09/ 2016 đứng tên anh X trị giá 22.500.000 đồng. Tại phiên tòa, anh X đề nghị giao tài sản này cho chị H được hưởng nhưng chị H không đồng ý vì chị không có nhu cầu sử dụng do chị đang có một chiếc xe máy khác, trong khi anh X cần phải có xe máy để đi làm.

- 10.000m² cây keo trồng năm thứ hai tại thôn 10, xã Đ trên đất mượn của cha mẹ chị H. Tại phiên tòa, chị H và anh X thỏa thuận giá trị của số keo này là 31.578.000 đồng và anh X nhường cho chị H được hưởng số keo này.

- 01 tủ nhôm kính đã được chị H bán cho người khác được 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, chị H còn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là 01 chiếc tủ lạnh hiệu SANYO loại 185 lít và 01 máy giặt hiệu PANASONIC

loại 9kg. Nhưng tại Đơn xin rút, thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 18/ 10/ 2017 và tại phiên tòa, chị đã không yêu cầu Tòa án giải quyết về 02 tài sản này nữa nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Anh X đồng ý các tài sản chị H kê khai là nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc, cây trồng trên 156m² đất; chiếc xe máy hiệu YAMAHA JUPITER; 10.000m² cây keo trồng năm thứ hai tại thôn 10, xã Đ và 01 tủ nhôm kính là tài sản chung. Riêng về 156m² đất tại thôn 3, xã Đ mặc dù đã được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ đứng tên anh và chị H nhưng do đất này có nguồn gốc của bố anh là ông Hồ Ngọc H mua viết tay của ông Nguyễn Ng ở thôn 3, xã Đ cho riêng anh. Khi anh lấy chị H về thì mới làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận từ ông Ng, do chị H công tác ở UBND xã Đ đã đứng ra làm giấy tờ đưa anh ký nên anh không để ý. Vì vậy, GCNQSDĐ đã đứng tên của cả anh và chị H chứ anh không hề biết việc này; do vậy, đây là tài sản riêng của anh.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được phân chia tài sản chung sau khi đã trừ nợ chung cho chị và anh X theo giá trị tài sản với tỷ lệ 50:50; anh X đề nghị phân chia tài sản chung theo công sức đóng góp của mỗi bên, trong đó anh phải được hưởng phần nhiều hơn vì tài sản chủ yếu do anh làm ra, chị H từ khi về làm vợ anh chỉ có đi học Trung cấp lý luận chính trị và học đại học nên không đóng góp gì nhiều vào khối tài sản chung.

4. Về nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu Tòa án phân chia nợ chung của chị và anh X gồm:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam A 70.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh.

- Nợ bố chồng là ông Hồ Ngọc H 50.000.000 đồng;

Nợ cha mẹ chị là ông Hà Việt V và bà Nguyễn Thị M 1 cây vàng 9999 (*được định giá là 35.400.000 đồng*) và 6m³ khối gỗ xây dựng (*được định giá là 54.000.000 đồng*) cùng 45.000.000 đồng tiền mặt.

Anh X đồng ý các khoản nợ Ngân hàng và nợ ông H là nợ chung. Riêng khoản nợ ông V và bà M thì anh chỉ thừa nhận có nợ số gỗ xây dựng trị giá 8.000.000 đồng và 01 cây (10 chỉ) vàng 9999.

Tại buổi làm việc ngày 18/ 10/ 2017 giữa chị H, anh X và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đã xác định từ ngày 12/ 01/ 2016, chị H và anh X có nợ Ngân hàng 100.000.000 đồng nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh thông qua việc thế chấp GCNQSDĐ số: BM 600730 ngày 01/ 02/ 2013 của UBND huyện K. Nay ba bên thống nhất 70% nợ gốc và lãi phát sinh của khoản vay này là nợ chung của chị H, anh X; 30% nợ gốc và lãi phát sinh của khoản vay này là nợ riêng của chị H.

Tại Đơn xin rút, thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 18/ 10/ 2017 và tại phiên tòa, chị H đã xin thay đổi yêu cầu giải quyết về nợ chung của chị và anh X với ông V, bà M. Theo đó, chị chấp nhận 46.000.000 đồng chênh lệch giữa giá trị gỗ định giá với phần giá trị gỗ anh X thừa nhận là nợ chung cùng khoản nợ tiền mặt 45.000.000 đồng là nợ riêng của chị với ông V, bà M; chị sẽ có trách nhiệm trả nợ riêng cho ông bà.

Quá trình giải quyết vụ án, các chủ nợ đều không yêu cầu giải quyết các khoản nợ nói trên trong vụ án ly hôn này mà đề nghị Tòa án giao trách nhiệm trả nợ cho chị H

hoặc anh X, nếu sau này người được giao trả nợ mà không trả nợ thì các chủ nợ sẽ khởi kiện trong vụ án dân sự khác.

5. Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Anh X yêu cầu chị H trả lại cho anh 01 sợi dây chuyền vàng tây 08 chỉ (định giá là 18.280.000 đồng). Đây là tài sản mẹ anh cho riêng anh trước khi bà mất, do sợi dây bị đứt nên anh nhờ chị H đi hàn lại nhưng chị H giữ luôn mà chưa trả lại cho anh.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy trích lục kết hôn mang tên Hà Thị Hồng H – Hồ Ngọc X (bản sao), 01 Trích lục khai sinh mang tên Hồ Ngọc Như T (bản sao), 01 Giấy CMND mang tên Hồ Ngọc X (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Hồ Ngọc X (bản sao).

Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp, gồm: 01 Đơn xin xác nhận viết tay bằng giấy ô ly kẻ ngang đề ngày 24/6/2001 có ký tên Hồ Ngọc H và Nguyễn Ng (bản chính); 01 Giấy sang nhượng đất thổ cư viết tay bằng giấy ô ly kẻ ngang đề ngày 24/ 6/ 2001 có ký tên Nguyễn Ng (bản chính); 01 Giấy CMND mang tên Hồ Ngọc X (bản sao); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên chủ xe Hồ Ngọc X (bản photo có đối chiếu sao y từ bản chính do anh X cung cấp).

Các tài liệu, chứng cứ được Ngân hàng giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 600730 ngày 01/ 02/ 2013 của UBND huyện K (bản sao); 01 Hợp đồng tín dụng số 207/HĐTD ngày 12/ 01/ 2016 (bản sao); 01 Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 12/ 01/ 2016 (bản sao); 01 Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 12/ 01/ 2016 (bản sao); 01 Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống ngày 30/ 06/ 2017 (bản sao); 01 Bản cam kết ngày 30/ 06/ 2017 (bản sao); 01 Hợp đồng tín dụng số 3233/HĐTD ngày 30/ 06/ 2017 (bản sao).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị H và anh X tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/ 12/ 2011; anh chị có 01 con chung là cháu Hồ Ngọc Như T, sinh ngày 10/ 10/ 2012. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị H giao nộp là Giấy trích lục kết hôn mang tên Hà Thị Hồng H-Hồ Ngọc X (bản sao) và Trích lục khai sinh mang tên Hồ Ngọc Như T (bản sao).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 58, 59, 60, 62, 81, 82, và 83 của Luật HN&GD năm 2014; các Điều 39, khoản 4 Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh X.

- Giao cháu Hồ Ngọc Như T, sinh ngày 10/ 10/ 2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Thảo trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi mình. Buộc anh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.300.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 11/2017 cho đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị H, theo đó giao cho chị H được quyền sử dụng 156m2 đất tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai theo GCNQSDĐ số: BM 600730 ngày 01/ 02/ 2013 của UBND huyện K đã cấp cho Hồ Ngọc X và Hà Thị

Hồng H; chị H được quyền sở hữu căn nhà cùng toàn bộ các công trình gắn liền với đất, 02 cây huỳnh đàn trồng trên đất với tổng trị giá là 512.153.200 đồng.

- Giao cho chị H được quyền sở hữu: 10.000m² cây keo trồng năm thứ hai tại thôn 10, xã Đ trên đất mượn của ông Hà Việt V, bà Nguyễn Thị M.

- Giao cho anh X được quyền sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu JUPITER trị giá 22.500.000 đồng.

- Giao cho chị H thanh toán các khoản nợ chung khi đến hạn trả nợ, gồm: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp A 70.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh; nợ ông Hà Việt V và bà Nguyễn Thị M 10 chỉ vàng 9999 và một số gỗ trị giá 8.000.000 đồng.

- Chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh X phần chênh lệch từ việc chia tài sản chung và nợ chung là 176.955.400 đồng.

- Anh X phải thanh toán cho chị H 1/2 chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng.

- Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn; nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh X tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 15/ 12/ 2011, có ĐKKH tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống. Theo chị H thì anh X hay xúc phạm chị cũng như cha mẹ chị; trong công việc, anh không thông cảm cho đặc thù công việc của chị. Về phía anh X thì cho rằng chị H dành thời gian quá nhiều cho công việc Nhà nước, bỏ bê gia đình, không quan tâm đến chồng con. Vì vậy, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân căng thẳng và không hạnh phúc, mạnh ai người đẩy sống và hiện anh chị đã sống ly thân với nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh X đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 55 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn của anh chị.

2. Về con chung: Chị H và anh X có 01 con chung tên Hồ Ngọc Như T, sinh ngày 10/ 10/ 2012. Mặc dù chị H và anh X đều có nguyện vọng được nuôi cháu T sau khi ly hôn nhưng xét điều kiện hoàn cảnh thực tế của anh chị thì thấy rằng: Chị H là công chức Nhà nước và anh X là công nhân Nhà máy Đường K đều có mức thu nhập ổn định (*chị H là trên 5.000.000 đồng/tháng và anh X là 6.500.000 đồng/tháng*). Tuy nhiên, do cháu T là con gái, từ nhỏ đã sống với chị H và hiện đang học mẫu giáo tại địa bàn thị trấn K, công việc của chị H ổn định và thường xuyên ở nhà hơn nên nếu giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định và tốt hơn. Vì vậy, HĐXX giao cháu T cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; căn cứ mức thu nhập thực tế của anh X, HĐXX buộc anh X phải cấp dưỡng nuôi cháu T với mức 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung:

Chị H và anh X đã thống nhất với nhau về một số tài sản chung nên các tài sản này được xem xét phân chia cho anh chị, gồm:

- Phần nhà chính diện tích 80,75m² cùng toàn bộ công trình xây dựng, vật kiến trúc và cây trồng trên đất với tổng trị giá là 316.978.331 đồng.
- 10.000m² cây keo trồng năm thứ hai tại thôn 10, xã Đông trên đất mượn của bố mẹ chị Hạnh có giá trị được anh chị thỏa thuận là 31.578.000 đồng.
- 01 xe máy hiệu YAMAHA JUPITER, BKS 81H1- 13258, đăng ký xe cấp ngày 08/ 09/ 2016 trị giá 22.500.000 đồng.

- 01 tủ nhôm kính giá trị 1.500.000 đồng.

Xét tài sản 156m² đất tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai trị giá 195.174.900 đồng mà chị H và anh X tranh chấp với nhau thì thấy rằng:

Nguồn gốc đất này ban đầu là của ông H (*cha anh X*) tặng cho riêng anh X. Tuy nhiên, sau khi cưới chị H, anh X đã tự nguyện gộp tài sản này vào khối tài sản chung của vợ chồng, điều này được thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ do Phòng tài nguyên và Môi trường huyện K cung cấp là Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đều đứng tên chị H và anh X; GCNQSDĐ số: BM 600730 ngày 01/ 02/ 2013 của UBND huyện K cấp cho cả chị H và anh X. Vì vậy, đây là tài sản chung của anh chị nên phải được xem xét phân chia cho anh chị.

4. Về nợ chung:

Chị H và anh X thống nhất với nhau về các khoản nợ chung, gồm:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam A 70.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh.
- Nợ ông Hồ Ngọc H 50.000.000 đồng;
- Nợ ông Hà Việt V và bà Nguyễn Thị M 1 cây (10 chỉ) vàng 9999 cùng số gỗ xây dựng trị giá 8.000.000 đồng.

Từ những phân tích như trên và xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay của chị H và anh X, công năng và giá trị của các tài sản chung cùng nguyện vọng của anh chị, HĐXX phân chia tài sản chung và nợ chung cho chị H và anh X như sau:

- Giao cho chị H được quyền sử dụng 156m² đất tại thôn 3, xã Đ, huyện K tỉnh Gia Lai và được sở hữu toàn bộ công trình xây dựng cùng vật kiến trúc, cây trồng trên đất với tổng trị giá là 512.153.200 đồng.

- Giao cho chị H được quyền sở hữu: 10.000m² cây keo trồng năm thứ hai tại thôn 10, xã Đ trên đất mượn của ông Hà Việt V và bà Nguyễn Thị M có giá trị là 31.578.000 đồng cùng số tiền bán chiếc tủ nhôm kính là 1.500.000 đồng.

- Giao cho chị H phải trả các khoản nợ chung, gồm: Trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam A 70.000.000 đồng nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16/ 11/ 2017 là 5.420.300 đồng; trả cho ông Hồ Ngọc H 50.000.000 đồng; trả ông Hà Việt V và bà Nguyễn Thị M 1 cây (10 chỉ) vàng 9999 cùng số gỗ xây dựng trị giá 8.000.000 đồng.

- Giao cho anh X được quyền sở hữu 01 xe máy hiệu YAMAHA JUPITER, BKS 81H1- 13258, đăng ký xe cấp ngày 08/ 09/ 2016 đứng tên anh X trị giá 22.500.000 đồng.

- Chị H phải thanh toán cho anh X phần chênh lệch từ việc chia tài sản chung và nợ chung là 176.955.400 đồng.

5. Về nợ riêng:

Do các khoản nợ riêng đã được chị H thừa nhận nên chị phải trả các khoản nợ riêng, gồm: Trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam A 30.000.000 đồng nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16/ 11/ 2017 là 2.323.000 đồng; trả ông V, bà M giá trị số gỗ xây dựng còn lại là 46.000.000 đồng và 45.000.000 đồng tiền mặt.

Do các chủ nợ không yêu cầu giải quyết các khoản nợ chung và nợ riêng trong vụ án ly hôn nên sau này chị H không trả nợ thì các chủ nợ có quyền khởi kiện chị H trong vụ kiện dân sự khác.

6. Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Xét việc anh X yêu cầu chị H phải trả lại cho anh 01 sợi dây chuyền vàng tây 08 chỉ trị giá 18.280.000 đồng là không có cơ sở vì chị H không thừa nhận hiện chị đang giữ sợi dây chuyền này, chị H khai là chị đã đưa trả lại cho anh X sợi dây chuyền này rồi nhưng anh X đã để thất lạc; việc này khi vợ chồng còn hạnh phúc, anh X hỏi thì chị cũng đã trả lời cho anh X rồi và anh X cũng thừa nhận lời khai này của chị H. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh X đối với chị H.

7. Về án phí: Chị H phải chịu án phí LH-ST và DS-ST; anh X phải chịu án phí DS-ST theo quy định của pháp luật.

8. Về chi phí định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh X không xác định được giá trị tài sản tranh chấp nên việc định giá là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật thì chị H, anh X mỗi người phải chịu một nửa chi phí định giá tài sản. Do chị H đã nộp toàn bộ chi phí định giá là 4.000.000 đồng nên anh X phải trả cho chị H 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 33, 51, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ vào các Điều 207, 210, 213, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 144, 147, 227, 228 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Hồng H và anh Hồ Ngọc X.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Ngọc Như T, sinh ngày 10/ 10/ 2012 cho chị H được trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thảo trưởng thành, có khả năng lao động; anh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T với mức 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho chị H được quyền sử dụng 156m² đất tại thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, gồm: 154,86m² đất ở nông thôn và 1,14m² đất trồng cây lâu năm thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ) số: BM 600730 ngày 01/ 02/ 2013 của UBND huyện K và được sở hữu toàn bộ công trình xây dựng cùng vật kiến trúc, cây trồng trên đất với tổng trị giá là 512.153.200 đồng.

- Giao cho chị H được quyền sở hữu: 10.000m² cây keo trồng năm thứ hai tại thôn 10, xã Đ trên đất mượn của ông Hà Việt V, bà Nguyễn Thị M có giá trị là 31.578.000 đồng và số tiền bán chiếc tủ nhôm kính là 1.500.000 đồng.

- Giao cho anh X được quyền sở hữu 01 xe máy hiệu YAMAHA JUPITER, BKS 81H1- 13258, đăng ký xe cấp ngày 08/ 09/ 2016 đứng tên anh X trị giá 22.500.000 đồng.

- Buộc chị H phải thanh toán cho anh X phần chênh lệch từ việc chia tài sản chung và nợ chung là 176.955.400 đồng.

- Buộc anh X phải thanh toán cho chị H một nửa chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (THA) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải THA theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về nợ chung:

Giao cho chị H phải trả các khoản nợ chung, gồm: Trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam A 70.000.000 đồng nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16/ 11/ 2017 là 5.420.300 đồng; trả cho ông Hồ Ngọc H 50.000.000 đồng; trả ông Hà Việt V và bà Nguyễn Thị M 1 cây vàng 9999 cùng số gỗ xây dựng trị giá 8.000.000 đồng.

5. Về nợ riêng:

Chị H phải trả các khoản nợ riêng, gồm: Trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam A 30.000.000 đồng nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16/ 11/ 2017 là 2.323.000 đồng; trả ông V, bà M giá trị số gỗ xây dựng còn lại là 46.000.000 đồng và 45.000.000 đồng tiền mặt.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu chị H không trả nợ chung và nợ riêng thì các chủ nợ không có quyền yêu cầu thi hành án mà có quyền khởi kiện chị H trong vụ kiện dân sự khác.

6. Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh X về việc yêu cầu chị H phải trả lại cho anh 01 sợi dây chuyền vàng tây 08 chỉ trị giá 18.280.000 đồng .

7. Về án phí: Chị H phải chịu là 300.000 đồng án phí LH-ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007005 ngày 18/ 5/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, chị H đã nộp đủ án phí LH-ST.

Chị H phải chịu án phí DS-ST phần chia tài sản chung sau khi đã trừ nợ chung là 9.972.770 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 7.562.665 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007061 ngày 13/ 7/ 2017, số: 0007083 ngày 04/ 8/ 2017 và số: 0007148 ngày 07/ 11/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị H còn phải chịu 2.410.105 đồng án phí DS-ST.

Anh X phải chịu án phí DS-ST phần chia tài sản chung sau khi đã trừ nợ chung là 9.972.770 đồng và phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng.

Anh X phải chịu án phí DS-ST phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận à 914.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh X đã nộp là 456.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007086 ngày 08/ 8/ 2017 và số: 0007149 ngày 07/ 11/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kb, anh X còn phải chịu 458.000 đồng án phí DS-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H, anh X và bà M có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Thời hạn và quyền kháng cáo của ông V, ông H và Ngân hàng được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gi;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

